

PHẦN 3: NGHIÊN CỨU**SARTRE TRONG TÔI: MỘT HOÀI NIỆM TRIẾT HỌC VÀ SỰ DẪN THÂN****Bùi Văn Nam Sơn*****Tóm Tắt (Abstract)**

Bài thuyết trình là một hồi niệm cá nhân về tác động sâu sắc của triết học Jean-Paul Sartre, đặc biệt là “triết học hiện sinh”, đối với một bộ phận không nhỏ giới trí thức trẻ ở Miền Nam Việt Nam vào những năm 1960 thế kỷ trước.

1. Bối cảnh tiếp nhận độc đáo

- Miền Nam thập niên 1960 sống trong không khí căng thẳng, vừa ngọt ngào vừa sôi sục do chiến tranh, bom đạn và sự lo âu thường trực về cái chết, khiến các hệ thống triết học cổ điển trở nên quá xa vời và lạnh lùng.

- Thế hệ trẻ khao khát một triết học không chỉ để *giải thích* thế giới mà trước hết để góp phần *giải quyết* nỗi đau, sự lo âu và chỉ ra cách sống, cách hành động, giữ gìn phẩm giá con người giữa thế giới vỡ vụn.

- Trong khi tại Châu Âu, triết học Sartre bắt đầu bị xem là “lỗi thời” và bị văn hóa đại chúng xuyên tạc thành lối sống buông thả, nổi loạn vô mục đích; thì tại Miền Nam (thuộc cái gọi là “thế giới thứ ba” lúc bấy giờ đang oằn mình trong bom đạn), Sartre lại được đón nhận với sự *ng nghiêm túc* và được xem như một *vũ khí tinh thần*. Triết lý của ông khẳng định phẩm giá con người và trở thành sức mạnh để chống lại định mệnh “nhược tiểu”.

2. Tác động cốt lõi của tư tưởng Sartre

Tư tưởng Sartre đã để lại bốn dấu ấn khó phai mờ:

- *Ý nghĩa trong phi lý*: Khẳng định thế giới tự nó vô nghĩa, nhưng chính vì thế, con người bị “*kết án*” phải tự mình sáng tạo ra giá trị. Chiến tranh là lời thách thức để khắc tạc ý nghĩa lên cuộc đời bằng hành động.

- *Chống lại “ngụy tín” (Mauvaise foi)*: Sartre lột trần hành vi tự lừa dối mình, biến mình thành nạn nhân thụ động của hoàn cảnh (như than vãn “chỉ là hạt cát trong cơn bão lịch sử” hay “thân phận nhược tiểu”). Ông bảo rằng đó là sự hèn nhát hữu thể học và con người luôn có tự do để vượt qua “*kiện tính/facticité*” đó.

- *Dùng khí của Tự do*: Tự do mà Sartre nói đến là “*Tự do trong cảnh ngộ*”. Chiến tranh là cảnh ngộ, nhưng sự lựa chọn hành động trước cảnh ngộ đó là tự do. Triết học của ông trao dùng khí để chịu trách nhiệm tuyệt đối, đơn độc cho mọi lựa chọn của mình.

- *Tâm phân học hiện sinh và Đạo đức học liên đới*: Sartre hướng con người nhìn về tương lai bằng *lựa chọn nguyên thủy* và *dự phóng nền tảng* (khác với tâm phân học của Freud

* Nhà nghiên cứu, dịch giả nhiều tác phẩm kinh điển Triết học

hướng về quá khứ), giúp tái định hướng cuộc đời. Ông cũng gợi mở một nền đạo đức học liên đới, khẳng định “*Khi tôi chọn cho mình, tôi chọn cho toàn thể nhân loại*”.

3. Sự hạnh ngộ độc đáo: Sartre và Marx

- *Chiếc cầu nối*: Sartre đóng vai trò là chiếc cầu nối để bộ phận tích cực trong giới trí thức thành thị tiếp cận Chủ nghĩa Marx. Ông nói ngôn ngữ của tự do cá nhân, nhưng dẫn đến những kết luận của Marx một cách tự nhiên. Sartre góp phần khai quật tiềm năng và di sản quý báu nhất: tư duy phê phán triệt để và khát vọng chống mọi hình thức tha hóa của Marx.

- *Dẫn thân*: Khái niệm này là nhịp cầu quan trọng nhất. Sartre đập tan ảo tưởng về sự “vô tư” của trí thức, khẳng định “*Không dẫn thân cũng là một cách dẫn thân*”. Lời kêu gọi này thúc đẩy trí thức rời “tháp ngà” ra đường phố đấu tranh.

- Sartre khẳng định Marx là “triết học không thể vượt qua của thời đại”, nhưng cảnh báo nguy cơ xơ cứng nếu thiếu đi cái nhìn hiện sinh về con người và phẩm giá cá nhân.

- Sự kết hợp này nuôi dưỡng một *tinh thần phê phán* (“*esprit critique*”) thường trực, tạo ra một thể hệ trí thức dẫn thân, nhưng tỉnh táo, khao khát sự phồn vinh cho dân tộc nhưng không quên cảnh giác trước các hình thức mới của sự suy thoái, tha hóa, khép kín và giáo điều. Hơn 50 năm nhìn lại, cần một sự công bằng và bao dung, không phải của sự đúng/sai nhất thời mà như một *hiện tượng tiếp phát văn hóa* độc đáo và đáng quý.

4. Dư âm và giá trị hiện đại

Sartre vẫn còn nguyên giá trị trong kỷ nguyên số, nơi con người đối diện với nguy cơ bị “vật hóa” thành dữ liệu và bị điều khiển bởi thuật toán. Ông là lời nhắc nhở đánh thép chống lại *ngụy tín* mới, không trốn chạy và khẳng định con người là một “*sự vượt qua*”, lớn hơn những dữ liệu lớn, có quyền năng “*hư vô hóa*” để sáng tạo và kiến tạo nên con người mình muốn trở thành.

Từ Khóa

Jean-Paul Sartre, Triết học hiện sinh, Dẫn thân, Tồn tại và Hư vô, Ngụy tín, Tự do (Bị kết án phải tự do), Cảnh ngộ / Tự do trong cảnh ngộ, Hiện hữu có trước bản chất, Kiện tính, Dự phóng nền tảng, Chủ nghĩa Marx, Tinh thần phê phán, Khai phóng, Thể hệ trí thức Miền Nam (những năm 1960).

Trước hết, xin chân thành cảm ơn GS Nguyễn Quang Hưng đã có nhã ý tạo điều kiện và cho phép tôi được gặp gỡ và trao đổi đôi điều với quý vị và các bạn trong khoa triết ĐH KHXH&NV, Hà Nội. Quả thật, đây là niềm vinh hạnh và đúng hơn, một đặc ân dành cho một người hoạt động triết học độc lập có dịp tham gia vào những sinh hoạt như thế này. Một lần nữa, xin chân thành bày tỏ lòng cảm ơn sự rộng lượng của quý vị và các bạn. Cũng xin nhiệt liệt chúc mừng công trình mới nhất của GS Nguyễn Quang Hưng về *Chủ nghĩa duy tâm Đức*, một chuyên luận công phu và có giá trị về một nền triết học cổ điển đầy mãnh lực, đã, đang và sẽ còn ghi đậm dấu ấn lên tư duy triết học.

Với dịp gặp gỡ hiếm hoi và quý báu này, tôi không muốn làm nhọc lòng và mệt óc của các bạn bằng một đề tài thuyết trình quá chuyên sâu, tự biết vượt khỏi thẩm quyền của bản

thân mình. Trong không khí thân mật và đầm ấm của cuộc hội ngộ hôm nay, chỉ xin phép lưu ý về một sự kiện văn hóa đáng nhớ trong giới triết học: năm nay, 2025, những người yêu mến triết học kỷ niệm 300 ngày sinh của I. Kant, khuôn mặt mở đầu và cũng là hàng đầu của triết học cổ điển Đức. Tập Kỷ yếu “*VÉN MÂY GIỮA TRỜI*” với sự góp mặt của gần 40 trí thức và chuyên gia trong và ngoài nước, trong đó có phần đóng góp đặc sắc của GS Nguyễn Quang Hưng và nhiều nhà triết học danh tiếng ở Hà Nội, là bó hoa tinh thần dành cho nhà hiền triết vĩ đại này. Một trùng hợp ngẫu nhiên nhưng cũng đầy thú vị khác là: năm nay cũng kỷ niệm 120 năm ngày sinh của J. P. Sartre (1905-2025), triết gia lớn và người chủ xướng nền “triết học hiện sinh” nổi tiếng của thế kỷ 20. Bản dịch kịp thời và xuất sắc 3 bài diễn văn nổi tiếng của Sartre tại Nhật Bản năm 1966 của hai dịch giả Phạm Anh Tuấn và Đinh Hồng Phúc với nhan đề *BIỆN HỘ CHO TRÍ THỨC* (Cty Sách Thật và NXB Hội Nhà Văn, 2025 đang được tái bản) là món quà sinh nhật thật ý nghĩa. Về phần mình, tôi cũng chuẩn bị một món quà sinh nhật nhỏ bé: *GIẢNG LUẬN TỒN TẠI VÀ HƯ VÔ* (tên kiệt tác triết học của Sartre) (Cty Sách Thật và NXB Hội Nhà Văn, 2025) - một nỗ lực khiêm tốn nhằm “vớt hương dưới đất”, tìm lại những dư âm tư tưởng đã từng làm lay động cả một thế hệ. Xin mạng phép mời quý vị và các bạn hãy cùng tôi, một người bạn già, dành chút thời gian ngồi lại với nhau để thực hiện một cuộc “hành hương” về quá khứ, ôn lại một thời kỳ mà triết học không nằm yên trong tháp ngà, không ngủ quên trên những trang sách bám bụi nơi thư viện, mà đã “xuống đường”, đã len lỏi vào từng quán cà phê, từng giảng đường, thậm chí, vào cả chốn lao tù và trong chiến hào!

1. Người bạn đường trong một thời khói lửa

Tôi muốn bắt đầu câu chuyện của mình bằng một hồi ức. Đó là miền Nam Việt Nam vào những năm 1960 thế kỷ trước. Nếu ai trong các bạn đã từng sống qua thời kỳ đó, hoặc đã từng nghe cha anh kể lại, hẳn sẽ không thể quên được cái không khí đặc quánh, vừa ngọt ngào vừa sôi sục của nó. Đó là một thời đại của những nghịch lý tốt cùng. Bên ngoài, bom đạn cày xới, tiếng trực thăng xé nát bầu trời, ánh sáng “hòa châu” đầy ám ảnh từng đêm, những đô thị phồn hoa nằm kề bên những vùng nông thôn rực lửa. Nhưng bên trong lòng các đô thị, từ Sài Gòn, Huế, Đà Lạt, Cần Thơ... lại là một sự sôi sục khác: sự sôi sục của ưu tư và trăn trở trong một bộ phận không nhỏ của những người trẻ tuổi.

Thanh niên chúng tôi ngày ấy - tất nhiên, không phải tất cả - những trí thức trẻ mười tám, đôi mươi - sống trong một nỗi lo âu thường trực. Cái chết không phải là một khái niệm trừu tượng để bàn luận trong các giáo trình siêu hình học. Nó hiện diện sờ sờ qua lệnh động viên, tờ giấy báo tử của người bạn học hôm qua còn ngồi chung bàn, qua “tiếng đại bác đêm đêm dội về thành phố” (nhạc Trịnh Công Sơn). Trong hoàn cảnh ấy, những hệ thống triết học cổ điển, những *Cogito* (“Tôi tư duy”) đầy lý tính của Descartes hay những “nghịch lý của lý tính thuần túy”, những mệnh lệnh đạo đức của Kant tuy khơi dậy sự “tò mò” triết học, dường như trở nên quá xa vời, quá lạnh lùng, quá “ngăn nắp” so với sự hỗn loạn, phi lý và tàn khốc mà chúng tôi đang phải đối mặt hàng ngày. Chúng tôi khao khát một cái gì đó khác. Chúng tôi cần một triết học không chỉ để *giải thích* thế giới, mà để *giải quyết* nỗi đau này, sự vô nghĩa này, và quan trọng hơn, chỉ cho chúng tôi cách để sống, để hành động, để giữ gìn phẩm giá làm người giữa một thế giới dường như đang vỡ vụn.

Và chính trong cơn khát ấy, Jean-Paul Sartre đã đến. Ông không đến như một tượng đài hàn lâm lạnh lùng, khả kính. Sartre đến như một người bạn đường, một người anh, một kẻ đồng hành “cùng hội cùng thuyền” đang chia sẻ cùng một nỗi băn khoăn. Thật thế, chỉ mới hơn 20 năm trước, giữa lòng nước Pháp bị chiếm đóng và kháng chiến, chàng trí thức trẻ ấy đã trần trụi: “Chúng ta chỉ có một cuộc đời này để sống, giữa lòng cuộc chiến tranh này và giữa cuộc cách mạng này, có lẽ (...) Vì lẽ chúng ta tác động lên thời đại của ta bằng chính sự hiện hữu của mình...”¹. Lần đầu tiên, chúng tôi bắt gặp một thứ triết học đồ sộ, dày đặc những thuật ngữ trừu tượng đến chóng mặt như *Hữu thể (L'être)*, *Hư vô (Le Néant)*, *Cho-mình (Pour-soi)*, *Tự-mình (En-soi)*... Nhưng lạ thay, đằng sau lớp vỏ ngôn ngữ gai góc và hệ thống hữu thể học phức tạp ấy lại là một trái tim nóng hổi, một sự đồng cảm sâu sắc đến lạ lùng.

Sartre không nói về những chân lý vĩnh cửu trên trời cao; ông nói về sự “buồn nôn” của chúng tôi trước sự thừa thãi của cuộc đời. Ông nói về nỗi *lo âu* (Angoisse) khi con người nhận ra mình hoàn toàn tự do và không có điểm tựa. Ông nói về “cái nhìn” (le regard) soi mói của *Người khác* (Autrui) khiến thế giới của ta bị “đánh cắp”. Và trên hết, ông nói về gánh nặng khủng khiếp nhưng cũng đầy vinh quang của việc con người bị “kết án phải tự do”.

Chính vì thế, những khái niệm như *Tồn tại-cho-mình* (ý thức trống rỗng, luôn phải lựa chọn) hoặc *Tồn tại-tự-mình* (sự vật đặc quán, trơ lì) không còn là những trò chơi trí tuệ. Chúng trở thành những công cụ sắc bén để chúng tôi mổ xẻ chính tâm hồn mình. Lần đầu tiên, một triết học hàn lâm lại chạm vào đúng nhịp đập lo âu và khao khát của một thế hệ thanh niên đang đứng trước những lựa chọn sinh tử. Sartre đã đến với chúng tôi như thế. Không phải để rao giảng chân lý, mà để cùng chúng tôi đối diện với sự thật trần trụi của thân phận con người: rằng chúng ta bị ném vào thế giới này không có lý do, không có bản chất định sẵn và chúng ta buộc phải tự mình kiến tạo nên ý nghĩa cho cuộc đời mình từ chính hư vô.

2. Sự gặp gỡ định mệnh giữa hai dòng chảy

Nghịch lý của sự tiếp nhận: Từ Châu Âu đến “thế giới thứ ba”

Để hiểu được sức nặng của Sartre trong tâm thức chúng tôi ngày ấy, ta cần phải đặt nó vào một bối cảnh rộng lớn hơn, một bức tranh đầy nghịch lý của lịch sử tư tưởng thế giới vào thập niên 60 thế kỷ trước. Có một sự lệch pha kỳ lạ, một “độ chênh” của thời gian và không gian mà chính sự chênh lệch ấy đã tạo nên sức cộng hưởng đặc biệt.

Bối cảnh Châu Âu: Buổi hoàng hôn của một thần tượng?

Hãy nhìn về Paris, về Châu Âu vào thời điểm ấy. Tại chính quê hương của mình, ngai vàng của “Vua Jean-Paul” đang bắt đầu rung chuyển.

Trên giảng đường đại học và trong các cuộc tranh luận hàn lâm (chúng tôi dễ dàng “cập nhật” bản sao những “bài giảng Sorbonne” từ Paris chuyển về tại nhà sách Khai trí!), Sartre đang phải đối mặt với một làn sóng thách thức dữ dội mang tên thuyết cấu trúc. Những tên tuổi mới nổi như Claude Lévi-Strauss, Michel Foucault hay Jacques Lacan... đang bắt

¹ J. P. Sartre: “*nous n'avons que cette vie à vivre, au milieu de cette guerre, de cette révolution peut-être (...)* Puisque *nous* agissons sur notre temps par notre existence...”. Présentation des Temps Modernes/Lời giới thiệu cho số ra mắt Tạp chí Les Temps Modernes/Thời Đại Mới do Sartre chủ trương tháng 10.1945.

đầu giải phẫu con người không phải như một chủ thể tự do, mà như những giao điểm của các cấu trúc ngôn ngữ, văn hóa và vô thức. Họ tuyên bố “cái chết của chủ thể”, cho rằng con người chỉ là một “hiệu ứng”, một sản phẩm của hệ thống. Đối với giới trí thức tiên phong phương Tây lúc bấy giờ, triết học về tự do và trách nhiệm của Sartre bắt đầu bị xem là “lỗi thời”, là tàn dư của một chủ nghĩa nhân bản lãng mạn thế kỷ 19 (gần 60 năm, còn văng vẳng bên tai tôi ví dụ minh họa từ một cố giáo sư khả kính: “Tôi không nói, mà *bị* nói; tôi không làm mà *bị* làm!”).

Nhưng bị kịch hơn cả sự ghẻ lạnh của giới hàn lâm là sự xuyên tạc của văn hóa đại chúng. Triết học hiện sinh, khi tràn xuống đường phố, đã bị biến dạng thành một thứ thời trang. Người ta đồng nhất nó với hình ảnh những thanh niên mặc áo cổ lọ đen, ngồi trong các quán hăm ở khu Saint-Germain-des-Prés, hút thuốc, nghe nhạc Jazz và sống một cuộc đời buông thả. Triết lý về sự “dấn thân” (engagement) và “trách nhiệm tuyệt đối” bị đánh tráo thành sự biện minh cho lối sống “yêu cuồng sống vội”, cho sự đồi trụy và chán chường. Sartre, trong mắt đám đông hiếu kỳ, trở thành biểu tượng của sự nổi loạn vô mục đích.

Sự tiếp nhận tại Miền Nam: Sartre như một vũ khí tinh thần

Thế nhưng, thưa các Bạn, khi vượt qua đại dương để đến với chúng tôi, ở cái bấy giờ gọi là “thế giới thứ ba” đang oằn mình trong bom đạn, Sartre lại mang một gương mặt hoàn toàn khác.

Tại đây, giữa Sài Gòn, Huế hay Đà Lạt, Sartre không phải là một một thời thượng để trang điểm cho sự sành điệu. Chúng tôi không đọc *Buồn nôn* hay *Tồn tại và Hư vô* để tìm cơ cho sự sa đọa hay để tỏ ra mình là những kẻ “thờ ơ” (lãnh đạm) trước cuộc đời - một thái độ mà chính Sartre gọi là nguy tín. Không, chúng tôi đón nhận ông với sự *ngghiêm túc* đến khắc khổ của những kẻ đang đi tìm đường.

Tại sao lại có sự “lội ngược dòng” này? Tại sao trong khi Châu Âu bắt đầu chán ngán tự do, thì chúng tôi lại cương quyết bám lấy nó? Câu trả lời nằm ở cặp từ song đôi: *giải phóng* (libération) và *khai phóng* (émancipation).

Đối với các dân tộc thuộc địa, “nhược tiểu” và đặc biệt là với thanh niên miền Nam lúc bấy giờ, những lý thuyết cấu trúc lạnh lùng - vốn nhấn mạnh vào sự chi phối bất khả kháng của hệ thống - không mang lại niềm hy vọng. Nếu con người chỉ là sản phẩm của cấu trúc, thì chúng ta lấy đâu ra sức mạnh để chống lại định mệnh của một nước nhỏ bị kẹt giữa các cường quốc?

Ngược lại, triết học của Sartre là lời khẳng định đanh thép về phẩm giá con người. Ông nói với chúng tôi rằng: “Hiện hữu có trước bản chất”. Rằng không có một định mệnh nào, một “bản tính” nào được viết sẵn cho chúng ta cả. Chúng ta không sinh ra để làm nô lệ, cũng không sinh ra để cam chịu “thân phận nhược tiểu”. Chúng ta là “Hư vô”, là sự thiếu hụt và chính từ sự trống rỗng đó, chúng ta có quyền năng và trách nhiệm tự kiến tạo nên bản chất của mình.

Tư tưởng này vang dội trong tâm khảm chúng tôi như một tiếng sấm. Giữa đồng đô nát của chiến tranh, khi nhiều giá trị cũ đang băng hoại, Sartre bảo rằng chúng tôi có thể bắt đầu lại từ đầu. Ông trao cho chúng tôi quyền năng để từ chối cái “kiện tính” nghiệt ngã của

lịch sử - cái quá khứ đau thương, cái hiện tại rách nát - không phải để trốn chạy nó, mà để “vượt qua” nó.

Sartre vang vọng ở đây vì ông nói thứ ngôn ngữ của những người không chấp nhận đầu hàng. Ông nói với chúng tôi rằng: Một dân tộc, cũng như một cá nhân, tự định nghĩa mình bằng hành động, bằng sự dấn thân, chứ không phải bằng những gì lịch sử đã áp đặt lên họ. Trong mắt chúng tôi ngày ấy, Sartre không phải là triết gia hư vô chủ nghĩa, mà là triết gia của sự hy vọng được xây dựng trên nền tảng của hành động tự do.

3. *Tác động cốt lõi của tư tưởng Sartre*

Vậy cụ thể, tư tưởng của Sartre đã tác động đến tâm thức của chúng tôi lúc đó như thế nào? Tôi xin mạn phép tóm lược qua bốn điểm cốt lõi, bốn dấu ấn khó phai mờ:

Ý nghĩa trong phi lý: Đối diện với sự tàn phá

Trước Sartre, người ta thường tìm ý nghĩa ở những giá trị siêu việt, ở luân lý truyền thống, hay ở một trật tự vũ trụ hài hòa đã được tiên định. Giữa lúc những niềm tin ấy đang rạn vỡ, Sartre đã đến và nói một điều gây sốc nhưng cũng đầy tính khai phóng: “*Thế giới tự nó là vô nghĩa*”. Sự tồn tại của chúng ta là ngẫu nhiên, là “thừa thãi”. Không có kịch bản nào có sẵn cho chúng ta cả. Nhưng ông không dừng lại ở sự tuyệt vọng. Ông khẳng định một chân lý mạnh mẽ: Chính vì thế giới không có ý nghĩa sẵn có, không có những giá trị tiên nghiệm, nên chúng ta “bị kết án” phải tự mình sáng tạo ra giá trị. Sự phi lý của chiến tranh không phải là lý do để buông xuôi, tự tử hay sống buông thả. Ngược lại, nó là một tờ giấy trắng, một lời thách thức. Nếu cuộc đời này vô nghĩa, thì chính tôi, bằng hành động của mình, phải khắc tạc ý nghĩa lên nó. Chúng tôi học được cách sống không chờ đợi phép màu, mà sống bằng sức mạnh của sự kiến tạo ý nghĩa ngay giữa lòng cái chết. Sự phi lý không còn là bản án, mà trở thành lời kêu gọi hành động.

Chống lại “ngụy tín” và “thân phận nhược tiểu”

Điểm thứ hai, và có lẽ là điểm đau đớn nhất nhưng cũng cần thiết nhất, là khái niệm *ngụy tín* (*Mauvaise foi*). Trong hoàn cảnh chiến tranh, giữa sự giằng xé của các thế lực cường quốc, rất dễ để con người ta rơi vào thái độ thụ động. Chúng ta dễ dàng tìm thấy sự an ủi trong những lời than vãn: “*Tôi làm gì được? Tôi chỉ là một hạt cát trong cơn bão lịch sử*”, “*Nước mình bé nhỏ, số phận do các nước lớn định đoạt*”, hay “*Thời thế thế thời phải thế*”. Đó là những lời bào chữa ngọt ngào để ru ngủ lương tâm, để trốn tránh trách nhiệm.

Sartre tàn nhẫn lột trần sự dối trá đó. Ông bảo đó là *ngụy tín*. Đó là hành vi tự lừa dối mình, nơi ý thức giả vờ rằng nó không tự do. Đó là nỗ lực biến mình thành một vật thể (*Tồn-tại-tự-mình*), một nạn nhân thụ động của hoàn cảnh để trốn tránh gánh nặng của tự do. Ông cảnh báo chúng tôi: Chấp nhận vai trò nạn nhân là một sự hèn nhát về mặt hữu thể học. Ông dạy chúng tôi rằng không có cái gọi là “thân phận nhược tiểu” như một định mệnh bất biến để vin vào đó mà bào chữa. Đó chỉ là một “*kiện tính*”, một hoàn cảnh khách quan. Và con người, với tư cách là một *Sự vượt qua*, luôn có tự do để vượt qua hoàn cảnh đó bằng cách ban cho nó một ý nghĩa. Dù là một nước nhỏ, dù đang bị kẹt giữa hai làn đạn, chúng ta vẫn chịu trách nhiệm hoàn toàn cho thái độ của mình trước lịch sử: hoặc là cúi đầu làm nô lệ (và tự lừa mình rằng đó là số phận), hoặc là đứng lên đấu tranh. Sartre đã đánh thức lòng tự trọng của

người trí thức, buộc chúng tôi phải nhìn nhận lại vị thế của mình không phải như những nạn nhân, mà như những chủ thể lịch sử đang tự quyết định vận mệnh của mình.

Dũng khí của Tự do và lựa chọn sinh tử

Điểm thứ ba là về *Tự do*. Không phải thứ tự do bay bổng lãng mạn của thơ ca, mà là thứ tự do đầy sức nặng và máu lửa: *Tự do trong cảnh ngộ* (*Liberté en situation*).

Sartre nói: “*Chúng ta không chọn được việc mình sinh ra, nhưng chúng ta chọn cách mình sống*”. Không ai trong chúng tôi chọn sinh ra giữa cuộc chiến tranh tàn khốc này. Đó là *cảnh ngộ* của chúng tôi, là cái “*đã rồi*”. Nhưng Sartre chỉ ra rằng, *cảnh ngộ* không phải là rào cản của tự do, mà là điều kiện của tự do. Ngọn núi chỉ trở thành chướng ngại vật khi tôi có dự phóng leo qua nó. Tương tự, chiến tranh là nghịch cảnh hay là môi trường để tôi rèn luyện ý chí, điều đó phụ thuộc vào sự lựa chọn của tôi.

Triết học của Sartre không cho chúng tôi câu trả lời cụ thể phải chọn A hoặc B. Nhưng ông trao cho chúng tôi dũng khí để chịu trách nhiệm tuyệt đối. Ông nói rằng khi bạn chọn, bạn không được đổ lỗi. Bạn phải gánh vác toàn bộ sức nặng của lựa chọn đó trên vai mình. Không ai chịu trách nhiệm thay cho bạn. Bạn đơn độc và không có lời bào chữa. Chính sự cô đơn khủng khiếp của trách nhiệm này đã tôi luyện nên bản lĩnh của một con người. Chúng tôi học cách đối diện với sự lựa chọn của mình với đôi mắt mở to, không ảo tưởng và không hối tiếc.

Phân tâm học hiện sinh & Đạo đức học của sự liên đới

Cuối cùng, tư tưởng Sartre gợi ý cho chúng tôi qua phân tâm học hiện sinh và hướng tới một nền đạo đức học mới. Nhiều người trẻ lúc đó rơi vào khủng hoảng tâm lý, mất phương hướng trước tương lai mịt mù. Phân tâm học của Freud nhìn về quá khứ, tìm nguyên nhân trong những chấn thương ấu thơ hay ản ức vô thức, đôi khi khiến con người cảm thấy mình là tù nhân của số phận đã được định đoạt. Phân tâm học hiện sinh của Sartre lại hoàn toàn khác: nó nhìn về tương lai. Ông hỏi: “*Dự phóng nền tảng* (*Projet fondamental*) của bạn là gì?”, “*Lựa chọn nguyên thủy của bạn là gì?*”.

Cách đặt vấn đề này giúp chúng tôi nhìn lại bản thân không phải như một sản phẩm hư hỏng của quá khứ, mà như một tiềm năng đang hướng tới tương lai. Nó thôi thúc chúng tôi tái định hướng cuộc đời bằng câu hỏi: *Tôi muốn trở thành ai trong cuộc chiến này?* Chính dự phóng tương lai sẽ mang lại ý nghĩa cho quá khứ đau thương. Đây là một phương pháp hành xử đầy tính “chữa lành” và kiến tạo.

Và từ nền tảng hữu thể học đó, nảy sinh một nền đạo đức học hiện sinh đầy gợi mở: Đạo đức của sự liên đới và “*cứu rỗi thế tục*”. Sartre gợi mở một con đường nhân bản, ông nói: “*Khi tôi chọn cho mình, tôi chọn cho toàn thể nhân loại*”. Câu nói có vẻ quá to tát này thật ra là một tiếng chuông cảnh tỉnh. Nó phá vỡ sự ích kỷ cá nhân chủ nghĩa mà người ta thường lầm tưởng về thuyết hiện sinh. Tự do của tôi không thể tách rời tự do của người khác. Nếu tôi chọn sự hèn nhát, tôi đang cổ vũ cho sự hèn nhát của cả thế hệ. Nếu tôi chọn sự dấn thân, tôi đang khẳng định giá trị của sự can đảm cho tất cả mọi người. Đó là một sự “*cứu rỗi thế tục*” (*salut séculier*). Thông qua sự chân thực, đích thực (authenticité), sự từ chối ngụy tín và sự dấn thân, ta cùng đồng loại kiến tạo một thế giới nhân bản hơn.

4. Cuộc hạnh ngộ độc đáo: Sartre và “bóng dáng” Chủ nghĩa Marx

Nói về tác động của Sartre ở miền Nam mà không nhắc đến mối quan hệ phức tạp, đầy duyên nợ giữa ông và Chủ nghĩa Marx thì quả là một thiếu sót lớn. Đây không chỉ là câu chuyện của những cuốn sách, mà là câu chuyện của một cuộc hạnh ngộ tư tưởng vô cùng độc đáo, đã góp phần định hình nên diện mạo tinh thần của cả một thế hệ.

Bối cảnh chính trị: Sự hiện diện “ẩn mật” của Marx

Trước hết, hãy nhìn lại bối cảnh chính trị lúc bấy giờ. Ở miền Nam, Chủ nghĩa Marx hiện diện một cách rất đặc biệt. Nó vừa là một bóng ma ám ảnh chính quyền, vừa là một lực hấp dẫn bí ẩn đối với giới trí thức. Nó tồn tại công khai qua những giáo trình, những cuốn sách nghiên cứu triết học, xã hội học tại các thư viện đại học, nhưng đồng thời cũng hiện diện một cách bí mật, quyết liệt qua các phong trào đấu tranh ngầm.

Đối với tầng lớp thanh niên, sinh viên đô thị - những người mà chúng ta thường gọi là trí thức “tiểu tư sản thành thị” - việc tiếp cận Chủ nghĩa Marx trực tiếp thường gặp nhiều rào cản. Rào cản về chính trị, rào cản về sự kiểm duyệt và cả những rào cản về tâm lý khi đứng trước một hệ thống lý luận quá đồ sộ và có phần xa lạ với truyền thống tư duy cá nhân chủ nghĩa phương Tây mà chúng tôi được thụ hưởng từ nhà trường.

Sartre như chiếc cầu nối: Từ tháp ngà đến đường phố

Chính trong bối cảnh ấy, Sartre đã xuất hiện và bất ngờ đóng vai trò như một chiếc cầu nối.

Tại sao lại là Sartre? Bởi vì ông nói ngôn ngữ của chúng tôi - ngôn ngữ của tự do cá nhân, của âu lo và trách nhiệm - nhưng ông lại dẫn chúng tôi đi đến những kết luận của Marx. Khái niệm *dấn thân* (Engagement) của Sartre chính là nhịp cầu quan trọng nhất.

Trước Sartre, người trí thức thường tự giam mình trong tháp ngà, coi sự “vô tư”, “khách quan” là phẩm giá. Sartre đập tan ảo tưởng đó. Ông bảo: “*Không dấn thân cũng là một cách lựa chọn*”. Sự im lặng trước bất công chính là sự đồng lõa. Lời kêu gọi này đã đánh thức lương tri của người trí thức, đẩy chúng tôi từ những quán cà phê văn nghệ ra đường phố, đến gần hơn với các phong trào xã hội, phong trào hòa bình và cách mạng.

Thông qua lăng kính của Sartre, với cách tra vấn về *lựa chọn nguyên thủy và dự phóng nền tảng* của Marx, chúng tôi tiếp cận tinh thần của Marx không phải như một cuốn “kinh thánh” kinh tế-chính trị khô khan, đầy rẫy những công thức và quy luật sắt đá. Cách tiếp cận của Sartre làm nổi bật tiềm năng phê phán và khai phóng, vốn là tinh lực và di sản quý báu nhất của Marx, khởi nguồn và được tiếp nối từ truyền thống của triết học cổ điển Đức. Sự phê phán càng triệt để, càng cần phải được hiểu đúng theo tinh thần của chính Marx: “*Triệt để là nắm bắt sự việc tận cội rễ*. Mà cội rễ cho con người chính là bản thân *con người*”². Qua thực tiễn, ông cho thấy cuộc cách mạng xã hội không chỉ là vấn đề “cơm áo gạo tiền”, mà sâu xa hơn, đó phải là vấn đề khôi phục phẩm giá cho con người bị tha hóa, là cuộc đấu tranh để *con*

² “Radikal sein ist die Sache an der Wurzel fassen. Die Wurzel für den Menschen ist aber der Mensch selbst”. Zur Kritik der Hegelschen Rechtsphilosophie. Einleitung/Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel. Lời nói đầu, 1843-1844.

người giành lại quyền làm chủ vận mệnh của mình từ tay các thế lực mù quáng của kinh tế và lịch sử.

Nhưng mối quan hệ này không phải là sự phục tùng một chiều. Sartre không chỉ dẫn đường đến với Marx, mà ông còn không giấu giếm ý định mang lại một bổ khuyết biện chứng không thể thiếu cho Chủ nghĩa Marx *hiện thực* thời bấy giờ.

Ông nhắc nhở chúng ta rằng: Dù lịch sử có quy luật hay không, dù cấu trúc xã hội có chi phối đến đâu, thì cuối cùng, chính con người cụ thể, với niềm vui, nỗi buồn và sự lựa chọn, bằng ý thức “hư vô hóa” và khả năng phủ định thực tại, mới là kẻ làm nên lịch sử.

Sartre khẳng định: “*Chủ nghĩa Marx là triết học không thể vượt qua của thời đại chúng ta*”, nhưng ông cũng cảnh báo rằng nó đang có nguy cơ bị xơ cứng nếu thiếu đi cái nhìn hiện sinh về con người. Ông bảo vệ đến cùng phẩm giá và tự do cá nhân không thể thay thế.

Sự kết hợp độc đáo giữa nhiệt huyết cách mạng của Marx và sự tra vấn hiện sinh không khoan nhượng của Sartre đã nuôi dưỡng trong giới trí thức miền Nam một *tinh thần phê phán* (“*esprit critique*”) thường trực. Chúng tôi học được cách nhìn thế giới bằng cả hai con mắt: một con mắt nhìn thấy sự bất công của cấu trúc xã hội, sự áp bức của đế quốc và cường quyền; con mắt kia nhìn thấy nguy cơ của sự tha hóa, của thói ngụy tín và sự đánh mất mình trong đám đông.

Sự gặp gỡ này tạo ra một thể hệ trí thức dần thân thiện nhưng tỉnh táo. Chúng tôi chống lại bất công xã hội, khao khát độc lập dân tộc, nhưng đồng thời cũng cảnh giác cao độ với mọi hình thức giáo điều và khép kín. Có thể nói, lúc bấy giờ, Sartre và Marx không loại trừ nhau, mà họ đã cùng nhau dệt nên một tấm thảm tư tưởng phong phú, nơi khát vọng giải phóng dân tộc hòa quyện với khát vọng giải phóng cá nhân, tạo nên sức sống mãnh liệt cho phong trào đô thị.

5. Dư âm và sự tiếp nối

Nhìn lại giai đoạn lịch sử đầy biến động ấy - giai đoạn mà tôi và những người bạn cùng thời đã đi qua - hôm nay, sau hơn nửa thế kỷ, thiết nghĩ chúng ta cần có một cái nhìn thật sự điềm tĩnh, công bằng và bao dung. Bên cạnh những phân ly và những vết thương chính trị còn cần phải hàn gắn, lịch sử tư tưởng còn có những dòng chảy ngầm khác, những mạch nguồn văn hóa đã nuôi dưỡng tâm hồn con người giữa thời tao loạn. Những va chạm, nếu có, về tư tưởng, không nên bị phán xét đơn giản dưới lăng kính đúng - sai từ những quan điểm chính trị nhất thời. Thay vào đó, hãy nhìn nhận nó như một *hiện tượng tiếp phát văn hóa* và tư tưởng độc đáo. Đó không phải là sự du nhập văn hóa thụ động hay sinh ngoại. Đó là một cuộc đối thoại đầy sáng tạo và đau đớn.

Đã có một thể hệ như thế. Một thể hệ không chấp nhận sống mòn, không chấp nhận làm những “hòn đá” tro i bên lề lịch sử. Họ đã sống, đã tư duy, đã yêu và đã hành động với tất cả sự nhiệt thành, pha lẫn chút lãng mạn và bi tráng. Có người đã ngã xuống, có người vẫn đi tiếp con đường, cũng có người vỡ mộng. Nhưng tất cả họ đều chia sẻ chung một phẩm giá: phẩm giá của những người dám lựa chọn và dám chịu trách nhiệm cho lựa chọn đó trước lịch sử.

Sartre hôm nay: Lời nhắc nhở cho kỷ nguyên số

Và hôm nay, câu hỏi đặt ra là: Tại sao chúng ta - những con người của thế kỷ 21 - vẫn cần phải đọc “*Tồn tại và Hư vô*”? Sartre chưa bao giờ cũ. Thậm chí, ông còn trở nên thời sự hơn bao giờ hết. Chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên chưa từng có: kỷ nguyên của công nghệ số, của AI, của Dữ liệu lớn. Chưa bao giờ con người lại đứng trước nguy cơ bị “vật hóa” mạnh mẽ như lúc này. Chúng ta có nguy cơ bị biến thành những con số, những thuật toán, những dữ liệu hành vi được tiên đoán và điều khiển bởi máy móc và những thế lực giấu mặt. Trong thế giới phẳng và đầy biến động này, sự cảm dỗ của *nguy tín* lại xuất hiện dưới những hình thức mới tinh vi hơn. Chúng ta dễ dàng đổ lỗi cho “thuật toán”, cho “hệ thống”, cho “xu thế toàn cầu” để trốn tránh trách nhiệm làm người của mình. Chúng ta dễ dàng để mình trôi theo dòng chảy của đám đông, chấp nhận những giá trị được định sẵn, thay vì tự mình kiến tạo nên giá trị.

Sartre vẫn đứng đó, nơi ngã tư đường của tư tưởng, gửi đến chúng ta một lời nhắc nhở đanh thép: “Đừng trốn chạy. Đừng tự biến mình thành đồ vật. Đừng để ai, dù là AI hay những thế lực vô hình, tước đoạt đi quyền năng tối thượng của bạn: quyền năng *hư vô hóa*”. Ông nhắc chúng ta rằng: Dù công nghệ có phát triển đến đâu, con người vẫn là một “*sự vượt qua*”. Chúng ta luôn lớn hơn những dữ liệu lớn! Chúng ta là những dự phóng về tương lai, những khả thể chưa hoàn tất. Hãy dũng cảm đối mặt với sự lo âu của tự do, bởi vì chính từ sự bất an đó, con người mới thực sự bắt đầu hiện hữu và sáng tạo.

Những lời tâm tình mộc mạc này cũng như tập *Giảng luận Tồn tại và Hư vô* là nén tâm hương của tôi gửi về quá khứ để tưởng nhớ những người thầy tư tưởng, những người bạn tâm giao một thời đang còn hay đã mất. Nhưng, tận đáy lòng mình, tôi muốn trao tặng ngọn lửa tư duy tự do này cho các bạn trẻ hôm nay. Tôi mong các bạn hãy đọc nó như một lời mời gọi lên đường. Hãy dùng nó như một công cụ để mổ xẻ chính cuộc đời mình, để đập tan những ảo tưởng an toàn và để đánh thức sự can đảm bên trong các bạn. Như Sartre đã từng nói: “*Con người bị kết án phải tự do*”. Đừng sợ hãi “bản án” đó. Hãy biến nó thành vinh quang. Hãy dũng cảm kiến tạo nên con người mà bạn muốn trở thành, bất chấp mọi hoàn cảnh.

11.12.2025

Bùi Văn Nam Sơn